

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2020/HS-ST
Ngày 26-10-2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thành Ngôn;

2. Bà Đoàn Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 97/2020/TLST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 10 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Lương Thành Đ, sinh năm 1984 tại huyện C, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn B1 (đã chết) và bà Nguyễn Cẩm T, sinh năm 1963; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1986; có 02 con, lớn sinh năm 2011 và nhỏ sinh năm 2019; bị cáo có 04 chị em, bị cáo là người thứ hai;

Nhân thân: Từ nhỏ đến lớn sống chung với cha mẹ, đi học hết lớp 9 thì nghỉ. Sau đó học và sinh sống bằng nghề lái xe ô tô.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giam từ ngày 01 tháng 8 năm 2020 cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Trường G, sinh ngày 18 tháng 7 năm 1987, tại huyện C, tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp T1, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Nhân viên quản lý xe; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn M1, sinh năm 1965 và bà Trần Thị T2,

sinh năm 1967; có vợ là Trần Thanh T3, sinh năm 1984, có 03 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2019; bị cáo có 02 anh em, bị cáo là người thứ hai.

Nhân thân: Từ nhỏ đến lớn sống chung với cha mẹ, đi học hết lớp 9 thì nghỉ. Năm 2006 tham gia nghĩa vụ quân sự tại huyện đội A, tỉnh An Giang, đến năm 2008 xuất ngũ trở về địa phương sinh sống.

Tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 16 tháng 12 năm 2019, bị Công an huyện C, tỉnh An Giang xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, đã nộp phạt vào ngày 23 tháng 12 năm 2019.

Bị tạm giam từ ngày 01 tháng 8 năm 2020 cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Công ty trách nhiệm hữu hạn H

Trụ sở: Số 96 đường Đ1, phường C1, thành phố Đ2, tỉnh An Giang

Người đại diện theo pháp luật: Ông Thiệu Thanh Q – chức vụ: Giám đốc.
(có mặt)

- *Người làm chứng:* Ông Phan Anh H1, sinh năm 1994 (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 20 phút ngày 01 tháng 8 năm 2020, lực lượng Công an thành phố Long Xuyên kiểm tra hành chính xe ô tô khách biển số 67B-002.15 do Lương Thành Đ điều khiển trên đường Đ3, đoạn thuộc phường Mỹ Xuyên, thành phố Long Xuyên. Qua kiểm tra phát hiện trong gầm xe có 04 bao nilon màu đen, bên trong có tổng cộng 1.500 bao thuốc lá điều nhập lậu các hiệu Scott, Jet nên lực lượng Công an đã lập biên bản phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng.

Vật chứng và tài sản thu giữ gồm: 1.000 bao thuốc lá điều hiệu Jet; 500 bao thuốc lá điều hiệu Scott; 01 xe ô tô biển số 67B-002.15 (đã qua sử dụng) và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 000895; 01 giấy phép lái xe hạng E, FC mang tên Lương Thành Đ và 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lương Thành Đ; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Trường G; 14 máy tính xách tay (đã qua sử dụng); 48 hộp kem nhũ hiệu Compound Ketoconazole Cream; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A71, màu cam, imei 867760032317159 có gắn sim số 0962458062 (đã qua sử dụng); 01 điện thoại hiệu Samsung SM-A505F/DS màu xanh, imei 356646103211272, có gắn sim số 0939325742 và 0834618036 (đã qua sử dụng); 03 thùng giấy và 04 bao nilon (đã qua sử dụng).

Quá trình điều tra, Lương Thành Đ và Lê Trường G khai: Đ là lái xe, G là nhân viên quản lý xe của Công ty Trách nhiệm hữu hạn H, chạy tuyến Chi Lăng (Tĩnh Biên) - Châu Đốc - Thành phố Hồ Chí Minh. Khoảng 17 giờ ngày 01 tháng

8 năm 2020, Đ và G bàn bạc nhận vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu lấy tiền chia nhau tiêu xài. Khoảng 22 giờ ngày 01 tháng 8 năm 2020, Đ đến bến xe H tại thành phố Đ3 nhận xe ô tô khách biển số 67B-002.15, lúc này trên xe có G, Phan Văn H1 (phụ xe tập sự) và 07 hành khách. Sau đó, Đ điều khiển xe đến khu vực Trung tâm thương mại tại xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, G xuống xe gặp và thỏa thuận nhận vận chuyển 04 bao niolon màu đen đựng thuốc lá điều nhập lậu cho một người phụ nữ (không rõ tên), giao hàng tại trạm dừng chân Tám Rì 1 gần cầu Mỹ Thuận thuộc tỉnh Vĩnh Long, để nhận tiền công 600.000 đồng. Sau đó, Đ cùng G đem 04 bao nilon đựng thuốc lá điều nhập lậu cất giấu ở gầm máy phía sau xe ô tô. Khi Đ điều khiển xe đến thành phố Long Xuyên thì bị Công an kiểm tra, phát hiện, bắt giữ như nêu trên. Đối với số máy tính xách tay, mỹ phẩm bị thu giữ là hàng hóa do nhân viên nhà xe nhận vận chuyển.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm:

- Ông Thiều Thanh Q – đại diện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn H trình bày: Đ và G là nhân viên hợp đồng của công ty. Ngày 01 tháng 8 năm 2020, Đ và G được công ty giao xe ô tô khách biển số 67B-002.15 chạy tuyến Chi Lăng (Tỉnh Biên) - Châu Đốc - Thành phố Hồ Chí Minh. Việc Đ và G vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu công ty không biết. Trên xe có 14 máy tính xách tay và 48 hộp kem nhãn hiệu Compound Ketoconazole Cream là do nhân viên công ty nhận vận chuyển cho khách hàng, chỉ ghi tên, không có địa chỉ người gửi, người nhận. Công ty yêu cầu nhận lại xe ô tô khách 67B-002.15 và không yêu cầu nhận lại 14 máy tính xách tay, 48 hộp kem.

- Ông Phan Anh H1 trình bày: Ông là nhân viên tập sự của Công ty Trách nhiệm hữu hạn H. Ngày 01 tháng 8 năm 2020, được công ty phân công theo Đ và G để học việc. Khi xe bị Công an kiểm tra thì ông mới biết trên xe có vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu.

Tại Cáo trạng số 96/CT-VKS ngày 30 tháng 9 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố L đã truy tố bị cáo Lương Thành Đ và bị cáo Lê Trường G cùng về tội “Vận chuyển hàng cấm” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 191 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu luận tội: Giữ nguyên nội dung truy tố bị cáo Lương Thành Đ và bị cáo Lê Trường G, và đề nghị:

- Áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo Đ từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Vận chuyển hàng cấm”

- Áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo G từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Vận chuyển hàng cấm”

- Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu, tiêu hủy đối với: 1.000 bao thuốc lá điều hiệu Jet; 500 bao thuốc lá điều hiệu Scott; 03 thùng giấy và 04 bao nilon; 48 hộp kem nhũ hiệu Compound Ketoconazole Cream.

+ Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước đối với: 14 máy tính xách tay.

+ Trả lại cho bị cáo Lương Thành Đ: 01 giấy phép lái xe và 01 giấy chứng minh nhân dân cùng mang tên Lương Thành Đ; 01 điện thoại hiệu Samsung SM-A505F/DS màu xanh, có gắn sim số 0939325742 và 0834618036. Trả lại cho bị cáo Lê Trường G: 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Trường G; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A71, màu cam, có gắn sim số 0962458062.

+ Trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn H: 01 xe ô tô biển số 67B-002.15 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 000895.

- Đối với người thuê Đ và G vận chuyển hàng cấm do chưa xác định được nhân thân nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L tiếp tục làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa: Những người tham gia phiên tòa được triệu tập có mặt đầy đủ, nên Tòa án tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an thành phố L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo ở giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án... Có đủ căn cứ xác định, vào khoảng 22 giờ ngày 01 tháng 8 năm 2020, sau khi bàn bạc thống nhất nhận vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu lấy tiền chia nhau tiêu xài thì bị cáo Đ và bị cáo G đã nhận vận chuyển 04 bao nilon màu đen đựng 1.500 bao thuốc lá điều nhập lậu cho một người phụ nữ

không rõ tên từ huyện C, tỉnh An Giang đến trạm dừng chân Tám Ri 1 gần cầu Mỹ Thuận, tỉnh Vĩnh Long để lấy tiền công 600.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã đủ cấu thành tội “Vận chuyển hàng cấm” theo quy định tại khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L.

[4] Về hình phạt:

[4.1] Về vai trò của từng bị cáo: Các bị cáo đã có sự thống nhất với nhau về việc thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Đ là người chủ động rủ rê bị cáo G, còn bị cáo G là người trực tiếp thỏa thuận việc vận chuyển hàng cấm với đối tượng giao hàng. Cả hai bị cáo đều tích cực thực hiện hành vi phạm tội đến cùng. Do đó, hai bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn và có vai trò như nhau.

[4.2] Bị cáo Đ và bị cáo G đều là người đã thành niên, có sức khỏe, đang trong độ tuổi lao động, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo Đ là tài xế lái xe ô tô, bị cáo G là nhân viên quản lý xe nên phải hiểu rõ quy định của pháp luật về điều kiện lưu thông, vận chuyển hàng hóa, hành khách. Bản thân bị cáo G đã từng bị xử lý vi phạm hành chính vẫn còn tiền sự thì càng phải hiểu rõ nếu vi phạm pháp luật sẽ phải chịu chế tài xử lý. Các bị cáo đều nhận thức rõ thuốc lá điều nhập lậu là hàng hóa mà Nhà nước nghiêm cấm buôn bán, tàng trữ, vận chuyển. Nhưng vì tham lam, tư lợi nên các bị cáo vẫn bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện vận chuyển 1500 bao thuốc lá điều nhập lậu. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, gây ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế đất nước nói chung và địa phương nói riêng. Vì vậy, cần phải xét xử một mức án nghiêm khắc để giáo dục, cải tạo và phòng ngừa chung.

[4.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo G có thời gian phục vụ trong quân ngũ. Do đó, cần xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Định; tình tiết theo quy định tại điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo G như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.4] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn, gia đình có con nhỏ, cha mẹ già nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

[5.1] Đối với 1.000 bao thuốc lá hiệu Jet và 500 bao thuốc lá hiệu Scott là hàng hóa bị cấm; 03 thùng giấy và 04 bao nilon (đã qua sử dụng) là vật không có giá trị sử dụng; và 48 hộp kem nhãn hiệu Compound Ketoconazole Cream là tài sản không xác định được chủ sở hữu, không rõ nguồn gốc, xuất xứ nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[5.2] Đối với: 01 giấy phép lái xe hạng E, FC mang tên Lương Thành Đ và 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lương Thành Đ; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Trường G; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A71, màu cam, imei 867760032317159 có gắn sim số 0962458062 (đã qua sử dụng); 01 chiếc điện thoại hiệu Samsung SM-A505F/DS màu xanh, imei 356646103211272, có gắn sim số 0939325742 và 0834618036 (đã qua sử dụng) là giấy tờ tùy thân và tài sản cá nhân của các bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên giao trả cho các bị cáo.

[5.3] Đối với 14 máy tính xách tay (đã qua sử dụng) là tài sản không xác định được chủ sở hữu, cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

[5.4] Đối với 01 xe ô tô biển số 67B-002.15 (đã qua sử dụng) và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 000895; các bị cáo đều khai việc các bị cáo sử dụng xe ô tô này để phạm tội thì Công ty trách nhiệm hữu hạn H không biết. Mặt khác, theo Hợp đồng lao động giữa các bị cáo vào Công ty trách nhiệm hữu hạn H thì mọi vi phạm về vận chuyển hàng cấm các bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm. Do đó, cần giao trả xe ô tô này cho Công ty trách nhiệm hữu hạn H.

[6] Các vấn đề khác: Đối với người thuê các bị cáo vận chuyển hàng cấm do chưa xác định được nhân thân, địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Các bị cáo Đ và G phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 191; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Tuyên bố bị cáo Lương Thành Đ phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”;

- Xử phạt: Bị cáo Lương Thành Đ 06 (sáu) tháng tù về tội “Vận chuyển hàng cấm”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày 01 tháng 8 năm 2020.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 191; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Tuyên bố bị cáo Lê Trường G phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”;

- Xử phạt: Bị cáo Lê Trường G 06 (sáu) tháng tù về tội “Vận chuyển hàng cấm”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày 01 tháng 8 năm 2020.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

- Tịch thu, tiêu hủy đối với: 1.000 bao thuốc lá điều hiệu Jet; 500 bao thuốc lá điều hiệu Scott; 03 thùng giấy và 04 bao nilon (đã qua sử dụng); và 48 hộp kem nhũ hiệu Compound Ketoconazole Cream.

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước đối với: 14 máy tính xách tay (đã qua sử dụng).

- Trả lại cho bị cáo Lương Thành Đ: 01 giấy phép lái xe hạng E, FC mang tên Lương Thành Đ và 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lương Thành Đ; 01 chiếc điện thoại hiệu Samsung SM-A505F/DS màu xanh, imei 356646103211272, có gắn sim số 0939325742 và 0834618036 (đã qua sử dụng).

- Trả lại cho bị cáo Lê Trường G: 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Trường G; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A71, màu cam, imei 867760032317159 có gắn sim số 0962458062 (đã qua sử dụng).

- Trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn H: 01 xe ô tô biển số 67B-002.15, số máy: D6CBC225918, số khung: RNHB42SBKCC094902 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 000895.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 07 tháng 10 năm 2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L).

3. Về án phí:

Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo Lương Thành Đ và bị cáo Lê Trường G mỗi người phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

Bị cáo Lương Thành Đ, bị cáo Lê Trường G và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tp. L (2);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà tạm giữ Công an tp. L (1);
- CQTHAHS Công an tp. L (1);
- CQĐT Công an tp. L (1);
- Chi cục THADS tp. L (1);
- Bị cáo (2);
- Người có QLNVLQ (1);
- Bộ phận THA Tòa án (4);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Nguyễn Thùy Giang**